

Số: 424 /QĐ-CĐKTKT-ĐT

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thi Kỹ năng mềm
cho học sinh, sinh viên khóa mới
Đợt thi tháng 8 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc quy định Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc ĐHTN;

Căn cứ kế hoạch tổ chức học tập và kết quả thi Kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên (HSSV) khóa mới nhập học (K16 cao đẳng và K44 trung cấp) và một số HSSV khóa trước, đào tạo tại Trường, đợt thi tháng 8/2020;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo - QLKH&HTQT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi Kỹ năng mềm, đợt thi tháng 8/2020 cho 328 HSSV thuộc K16 cao đẳng, K44 trung cấp và một số HSSV khóa trước. Trong đó: Đạt yêu cầu: 328 HSSV (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng Phòng ĐT-QLKH&HTQT; Trưởng Khoa Kinh tế và QTKD; Giám đốc Trung tâm Phát triển kỹ năng mềm và Hỗ trợ nghề nghiệp; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và HSSV có tên trong danh sách kèm theo Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (t/h);
- Các khoa: Điện, Cơ khí, CNTT, KHCB, KTNL (t/h);
- Phòng TH (đưa lên Website);
- Lưu VT; P. ĐT-QLKH&HTQT;

HIỆU TRƯỞNG

TS. Ngô Xuân Hoàng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG MỀM

Đợt thi tháng 8 năm 2020

(Kèm theo Quyết định số: 624/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 21 tháng 9 năm 2020)

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Điểm	Kết luận	Ghi chú
1	170	Triệu Thanh Huy	15/08/2000	K15CĐ-CK	6,5	Đạt	
2	328	Nguyễn Trung Kiên	3/30/1995	K15CĐ-Ô tô	9,0	Đạt	
3	329	Ma Đức Vũ	6/16/2000	K15CĐ-Ô tô	7,0	Đạt	
4	395	Đặng Văn Long	2/9/2000	K15CĐ-Ô tô	7,5	Đạt	
5	221	Triệu Hiếu Phương	10/21/2002	K15CĐ-Ô tô	5,0	Đạt	
6	167	Hoàng Văn Thường	8/21/2000	K15CĐ-T.Hàn	7,0	Đạt	
7	168	Tạ Huy Quảng	7/20/2000	K15CĐ-T.Hàn	7,5	Đạt	
8	237	Trần Ngọc Hồ	20/07/2002	K16CĐ-CK	7,0	Đạt	
9	238	Vũ Văn Nhu	04/02/2002	K16CĐ-CK	7,0	Đạt	
10	240	Hoàng Ngọc Trai	05/02/2002	K16CĐ-CK	8,0	Đạt	
11	241	Nguyễn Văn Diên	16/11/2002	K16CĐ-CK	6,0	Đạt	
12	312	Đào Văn Sùng	4/11/2000	K16CĐ-CK	7,0	Đạt	
13	316	Hoàng Tiến Tùng	10/20/2001	K16CĐ-CK	8,5	Đạt	
14	398	Nguyễn Sơn Tùng	16/9/2002	K16CĐ-CK	8,5	Đạt	
15	161	Trần Mạnh Đạt	12/7/1999	K16CĐ-CK	8,0	Đạt	
16	311	Đào Văn Kính	5/29/2002	K16CĐ-CK	6,5	Đạt	
17	392	Lưu Đức Mạnh	31/08/2002	K16CĐ-ĐCN	7,0	Đạt	
18	282	Dương Việt Hoàng	01/08/1999	K16CĐ-ĐCN	6,5	Đạt	
19	283	Hà Phí Luân	01/09/1996	K16CĐ-ĐCN	7,0	Đạt	
20	284	Lê Văn Việt	05/12/2002	K16CĐ-ĐCN	8,0	Đạt	
21	285	Đinh Công Doanh	06/10/2002	K16CĐ-ĐCN	6,0	Đạt	
22	287	Đào Duy Thành	05/12/2002	K16CĐ-ĐCN	7,0	Đạt	
23	290	Vũ Đức Tiến	13/8/2001	K16CĐ-ĐCN	7,0	Đạt	
24	291	Dương Văn Sinh	19/05/2002	K16CĐ-ĐCN	7,0	Đạt	
25	292	Dương Văn Huy	19/9/2002	K16CĐ-ĐCN	5,0	Đạt	
26	294	Nguyễn Văn Đăng	6/12/2002	K16CĐ-ĐCN	7,0	Đạt	
27	295	Nguyễn Văn Hòa	23/10/2002	K16CĐ-ĐCN	6,0	Đạt	
28	315	Dương Văn Vĩnh	01/01/2001	K16CĐ-ĐCN	7,5	Đạt	
29	320	Nguyễn Đức Cảnh	04/03/2002	K16CĐ-ĐCN	5,0	Đạt	
30	333	Nguyễn Như Quyền	02/02/2002	K16CĐ-ĐCN	7,0	Đạt	
31	334	Lê Văn Mạnh	20/05/2002	K16CĐ-ĐCN	6,5	Đạt	
32	335	Lê Văn Chính	27/11/2002	K16CĐ-ĐCN	6,0	Đạt	
33	336	Tạ Văn Quỳnh	19/12/2002	K16CĐ-ĐCN	6,5	Đạt	
34	338	Nguyễn Trung Tá	23/07/2002	K16CĐ-ĐCN	7,5	Đạt	
35	339	Nguyễn Văn Kỳ	26/09/2002	K16CĐ-ĐCN	8,0	Đạt	
36	340	Dương Ngọc Chiến	04/06/2002	K16CĐ-ĐCN	7,5	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Lớp	Điểm	Kết luận	Ghi chú
37	341	Hồ Ngọc Thùy	Dương	19/10/2003	K16CD-ĐCN	8,5	Đạt	
38	342	Trần Văn	Thanh	10/07/2002	K16CD-ĐCN	6,5	Đạt	
39	343	Trần Đức	Hoàn	24/08/2002	K16CD-ĐCN	6,0	Đạt	
40	344	Nguyễn Văn	Mong	08/12/2002	K16CD-ĐCN	8,0	Đạt	
41	345	Phạm Trung	Hiếu	02/01/2002	K16CD-ĐCN	7,0	Đạt	
42	346	Phùng Đức	Huy	06/02/2002	K16CD-ĐCN	6,0	Đạt	
43	347	Đỗ Thanh	Vượng	13/01/2002	K16CD-ĐCN	8,5	Đạt	
44	348	Mông Chí	Tuấn	03/08/2002	K16CD-ĐCN	5,5	Đạt	
45	349	Đào Trọng	Dương	24/08/2020	K16CD-ĐCN	6,5	Đạt	
46	350	Lê Văn	Lượng	18/02/2001	K16CD-ĐCN	6,0	Đạt	
47	351	Dương Ngọc	Ban	31/07/1999	K16CD-ĐCN	7,5	Đạt	
48	353	Nhữ Văn	Nam	13/11/2002	K16CD-ĐCN	7,5	Đạt	
49	355	Nguyễn Thành	Duy	25/10/2002	K16CD-ĐCN	7,0	Đạt	
50	356	Triệu Tiến	Đạt	10/07/2020	K16CD-ĐCN	7,5	Đạt	
51	357	Phạm Văn	Đức	24/11/2020	K16CD-ĐCN	6,5	Đạt	
52	358	Nguyễn Văn	Quân	23/11/2002	K16CD-ĐCN	7,0	Đạt	
53	389	Ngô Văn	Ngọc	01/10/2002	K16CD-ĐCN	7,5	Đạt	
54	44	Dương văn	Chiến	04/06/2002	K16CD-ĐCN	8,0	Đạt	
55	48	Nguyễn Đình	Dục	14/10/2005	K16CD-ĐCN	5,0	Đạt	
56	54	Hoàng Hà Văn	Duy	07/05/2001	K16CD-ĐCN	8,0	Đạt	
57	118	Lưu Văn	Giáp	10/11/2002	K16CD-ĐCN	5,5	Đạt	
58	397	Trịnh Xuân	Tú	29/01/2002	K16CD-ĐCN	7,0	Đạt	
59	41	Chu Đức	Nam	01/09/2002	K16CD-ĐĐT	7,0	Đạt	
60	313	Hoàng Đức	Khải	01/11/2001	K16CD-ĐĐT	8,0	Đạt	
61	330	Lý Hải	Quang	6/6/2002	K16CD-ĐĐT	7,0	Đạt	
62	331	Tô Văn	Dương	1/2/2002	K16CD-ĐĐT	6,0	Đạt	
63	2	Lê Văn	Nam	17/10/2000	K16CD-ĐĐT	7,0	Đạt	
64	8	Dương Như	Lục	5/1/1998	K16CD-ĐĐT	7,0	Đạt	
65	12	Nguyễn Văn	Dương	3/12/2000	K16CD-ĐĐT	9,0	Đạt	
66	13	Dương Văn	Thúy	27/04/2002	K16CD-ĐĐT	7,0	Đạt	
67	14	Trần Văn	Nhất	08/07/2002	K16CD-ĐĐT	6,0	Đạt	
68	15	Dương Hồng	Tuấn	30/05/2002	K16CD-ĐĐT	7,0	Đạt	
69	16	Nguyễn Đức	Hoàng	24/07/2002	K16CD-ĐĐT	7,0	Đạt	
70	18	Nguyễn Mạnh	Hùng	02/11/1998	K16CD-ĐĐT	7,0	Đạt	
71	19	Lương Quang	Cường	01/11/1999	K16CD-ĐĐT	8,0	Đạt	
72	40	Nguyễn quang	Hoàng	10/09/2001	K16CD-ĐĐT	8,0	Đạt	
73	53	Trần Đức	Tuấn	19/05/2000	K16CD-ĐĐT	5,0	Đạt	
74	55	Nguyễn Văn	Tuyển	13/07/2002	K16CD-ĐĐT	7,0	Đạt	
75	56	Hà Văn	Huy	2002	K16CD-ĐĐT	7,0	Đạt	
76	59	Nguyễn Văn	Trọng	2002	K16CD-ĐĐT	7,0	Đạt	
77	60	Ngô Đình	Thành	05/11/2002	K16CD-ĐĐT	5,0	Đạt	
78	61	Hoàng Văn	Tuyển	06/03/2001	K16CD-ĐĐT	8,0	Đạt	
79	65	Nguyễn Văn	Phương	24/07/2002	K16CD-ĐĐT	6,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Lớp	Điểm	Kết luận	Ghi chú
80	66	Dương Hữu	Long	14/05/2002	K16CĐ-ĐĐT	6,0	Đạt	
81	67	Hoàng Hải	Đăng	06/04/2002	K16CĐ-ĐĐT	7,5	Đạt	
82	68	Nguyễn Đức	Toàn	05/05/2001	K16CĐ-ĐĐT	8,5	Đạt	
83	69	Nguyễn Quý	Khang	01/05/2002	K16CĐ-ĐĐT	7,5	Đạt	
84	71	Nguyễn Khương	Duy	21/07/2002	K16CĐ-ĐĐT	6,0	Đạt	
85	72	Ma Tiến	Cường	14/06/2002	K16CĐ-ĐĐT	6,0	Đạt	
86	73	Đặng Hoàng	Son	14/07/2000	K16CĐ-ĐĐT	6,0	Đạt	
87	75	Dương Đình	Thịnh	21/12/2002	K16CĐ-ĐĐT	8,0	Đạt	
88	76	Dương Đình	Hung	26/09/2002	K16CĐ-ĐĐT	7,5	Đạt	
89	77	Kiều Hoàng	Quân	06/10/2001	K16CĐ-ĐĐT	6,0	Đạt	
90	78	Trần Trọng	Phúc	11/11/1991	K16CĐ-ĐĐT	6,0	Đạt	
91	80	Chu Đức	Mạnh	05/09/1999	K16CĐ-ĐĐT	7,0	Đạt	
92	225	Nguyễn Văn	Hùng		K16CĐ-ĐĐT	5,0	Đạt	
93	399	Trần Văn	Thuận	21/12/1998	K16CĐ-ĐĐT	6,0	Đạt	
94	125	Nguyễn Viết	Long	26/07/2002	K16CĐ-ĐĐT	6,0	Đạt	
95	126	Lê Văn	Quyết	04/10/2002	K16CĐ-ĐĐT	8,0	Đạt	
96	127	Trần Văn	Mạnh	19/10/2002	K16CĐ-ĐĐT	7,5	Đạt	
97	62	Nguyễn Phúc	Bền	26/07/2002	K16CĐ-ĐĐT	7,0	Đạt	
98	394	Bùi Đan	Huy	17/8/2002	K16CĐ-Điện	7,5	Đạt	
99	381	Ngô Thị	Sinh	29/12/2001	K16CĐ-KT	6,0	Đạt	
100	382	Liễu Thị	Quỳnh	15/06/2002	K16CĐ-KT	7,5	Đạt	
101	383	Nguyễn Thị Kim	Thoa	13/03/2020	K16CĐ-KT	8,0	Đạt	
102	387	Nịnh Thị Phương	Châm	7/20/2002	K16CĐ-KT	5,5	Đạt	
103	371	Nguyễn Đình	Thức	20/12/2002	K16CĐ-Ô tô	7,5	Đạt	
104	372	Lý Thanh	Son	9/2/2020	K16CĐ-Ô tô	8,5	Đạt	
105	373	Trương Quảng	Nhâm	7/3/2005	K16CĐ-Ô tô	8,0	Đạt	
106	374	Hoàng Anh	Quân	6/17/2002	K16CĐ-Ô tô	5,5	Đạt	
107	45	Dương Đình	Huấn	06/11/2002	K16CĐ-Ô tô	8,0	Đạt	
108	46	Hoàng Văn	Phong	12/09/2002	K16CĐ-Ô tô	8,0	Đạt	
109	107	Ngô Anh	Tú	28/11/2002	K16CĐ-Ô tô	6,5	Đạt	
110	219	Ngô Văn	Vinh	22/02/2002	K16CĐ-Ô tô	7,5	Đạt	
111	220	Đào Văn	Dương	08/03/2002	K16CĐ-Ô tô	9,5	Đạt	
112	226	Nguyễn Văn	Phiên	10/06/2001	K16CĐ-Ô tô	6,0	Đạt	
113	230	Tổng Khánh	Duy	24/11/2002	K16CĐ-Ô tô	6,0	Đạt	
114	402	Nguyễn Trung	Hiếu	23/05/2002	K16CĐ-Ô tô	6,0	Đạt	
115	43	Dương Đình Tuấn	Anh	26/05/2002	K16CĐ-Ô tô	5,0	Đạt	
116	275	Bàn Đức	Lâm	04/11/2002	K16CĐ-Ô tô	8,0	Đạt	
117	278	Nguyễn Tiến	Yên	08/11/2002	K16CĐ-Ô tô	7,0	Đạt	
118	244	Nguyễn Văn	Hải	12/04/2002	K16CĐ-Ô tô	9,0	Đạt	
119	246	Tổng Minh	Đức	23/03/2002	K16CĐ-Ô tô	7,0	Đạt	
120	248	Ngô Văn	Quang	20/03/2002	K16CĐ-Ô tô	8,0	Đạt	
121	249	Ma Quang	Long	01/04/2002	K16CĐ-Ô tô	8,0	Đạt	
122	250	Lãnh Văn	Tùng	23/09/2002	K16CĐ-Ô tô	6,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Lớp	Điểm	Kết luận	Ghi chú
123	390	Hoàng Mạnh	Cao	03/11/2001	K16CĐ-Ôtô	8,0	Đạt	
124	391	Hoàng Văn	Kiên	23/10/2002	K16CĐ-Ôtô	7,0	Đạt	
125	279	Đào Đức	Hùng	27/09/2002	K16CĐ-Ôtô	6,0	Đạt	
126	280	Lương Thái	Nguyên	07/10/2002	K16CĐ-Ôtô	7,0	Đạt	
127	236	Lý Văn	Biên	28/07/2002	K16CĐ-QLĐ	8,0	Đạt	
128	131	Nguyễn Văn Nam	Chiều	11/09/2002	K16CĐ-QTKD	8,0	Đạt	
129	132	Vũ Văn	Nga	21/03/2002	K16CĐ-QTKD	8,0	Đạt	
130	47	Ma Văn	Vũ	24/03/2001	K16CĐ-T.Hàn	6,0	Đạt	
131	178	Nguyễn Thị Thùy	Dương	18/01/2001	K16CĐ-T.Hàn	5,5	Đạt	
132	179	Đoàn Thị Hồng	Ngọc	09/06/1998	K16CĐ-T.Hàn	9,5	Đạt	
133	180	Dương Thị	Nhung	21/11/2002	K16CĐ-T.Hàn	7,5	Đạt	
134	181	Hoàng Thị	Lành	28/10/2002	K16CĐ-T.Hàn	7,5	Đạt	
135	182	Bế Thị	Xoan	12/10/2002	K16CĐ-T.Hàn	7,0	Đạt	
136	183	Dđinh Văn	Huy	26/07/2001	K16CĐ-T.Hàn	5,0	Đạt	
137	184	Nguyễn Thị	Hậu	23/04/2002	K16CĐ-T.Hàn	7,0	Đạt	
138	185	Lục Thị	Thơm	30/11/2000	K16CĐ-T.Hàn	5,0	Đạt	
139	186	Lục Thị	Đảng	10/07/2001	K16CĐ-T.Hàn	5,0	Đạt	
140	228	Vi Văn	Đạt	18/07/2002	K16CĐ-T.Hàn	9,5	Đạt	
141	229	Hà Minh	Vũ	2/11/1997	K16CĐ-T.Hàn	6,0	Đạt	
142	133	Ngô Vĩnh	Toàn	09/12/2002	K16CĐ-T.Hàn	6,0	Đạt	
143	138	Hoàng Thị	Hồng	16/06/2002	K16CĐ-T.Hàn	8,0	Đạt	
144	139	Vũ Thị	Loan	15/05/2002	K16CĐ-T.Hàn	8,5	Đạt	
145	231	Dương Văn	Mạnh	10/02/2002	K16CĐ-Tin	7,0	Đạt	
146	332	Lê Tùng	Dương	1/31/2005	K16CĐ-Tin	7,0	Đạt	
147	116	Mai Thị	Ninh	15/09/2002	K16CĐ-Tin	8,5	Đạt	
148	188	Ngô Gia Nhất	Son	11/7/2002	K16CĐ-Tin	7,5	Đạt	
149	189	Chu Văn	Chung	30/11/2000	K16CĐ-Tin	8,5	Đạt	
150	191	Nguyễn Văn	Tú	14/05/2002	K16CĐ-Tin	7,0	Đạt	
151	192	Nguyễn Tiến	Hoàn	21/07/2002	K16CĐ-Tin	7,5	Đạt	
152	193	Nguyễn Văn	Đức	05/07/2002	K16CĐ-Tin	7,5	Đạt	
153	194	Phùng Văn	Huy	04/05/2002	K16CĐ-Tin	7,5	Đạt	
154	195	Nguyễn Thành	Công	23/09/2002	K16CĐ-Tin	6,5	Đạt	
155	197	Nguyễn Công	Nhuận	15/06/2001	K16CĐ-Tin	6,5	Đạt	
156	198	Tạ Việt	Hoàng	08/12/2001	K16CĐ-Tin	9,0	Đạt	
157	223	Dương N.Khương	Duy	13/09/2002	K16CĐ-TY	9,5	Đạt	
158	224	Nông Thị	Thanh	16/09/2002	K16CĐ-TY	8,5	Đạt	
159	129	Giáp Văn	Ty	14/07/2002	K16CĐ-TY	7,0	Đạt	
160	130	Đỗ Hữu	Thức	12/11/1996	K16CĐ-TY	5,0	Đạt	
161	169	Dương Văn	Lịch	09/02/1999	K43TC-CK	6,5	Đạt	
162	120	Lưu Xuân	Chuyên	20/07/2004	K43TC-Ô tô	5,5	Đạt	
163	121	Hoàng Văn	Tùng	28/03/1993	K43TC-Ô tô	6,0	Đạt	
164	122	Trần Lê Minh	Hiếu	26/01/2003	K43TC-Ô tô	5,0	Đạt	
165	123	Triệu Hiếu	Đức	12/09/2003	K43TC-Ô tô	6,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Lớp	Điểm	Kết luận	Ghi chú
166	124	Triệu Văn	Khoa	8/15/2002	K43TC-Ô tô	5,0	Đạt	
167	271	Hoàng Kiều	Trang	10/7/2005	K44TC-BHST	5,0	Đạt	
168	273	Phạm Hồng	Nhung	6/10/2005	K44TC-BHST	8,0	Đạt	
169	199	Hoàng Kiều	Trang	07/10/2005	K44TC-BHST	6,5	Đạt	
170	200	Mai Thị Thanh	Nhã	11/09/2005	K44TC-BHST	6,0	Đạt	
171	152	Trịnh Bá	Đức	29/11/2005	K44TC-BHST	6,0	Đạt	
172	153	Đinh Thị Lan	Anh	15/09/2005	K44TC-BHST	6,0	Đạt	
173	154	Phạm Ngọc	Lệ	23/05/2005	K44TC-BHST	6,0	Đạt	
174	155	Trần Thị	Hiền	31/10/2005	K44TC-BHST	6,5	Đạt	
175	156	Chu Thị Bích	Ngọc	08/07/2005	K44TC-BHST	6,0	Đạt	
176	157	Lê Thị Thanh	Mai	12/01/2005	K44TC-BHST	5,0	Đạt	
177	158	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	07/08/2005	K44TC-BHST	5,0	Đạt	
178	159	Tư Thúy	Hoài	08/10/2005	K44TC-BHST	6,5	Đạt	
179	164	Đinh Thị Phương	Thảo	12/10/2005	K44TC-BHST	5,0	Đạt	
180	165	Vũ Thị	Luyến	11/15/2002	K44TC-BHST	5,0	Đạt	
181	166	Bùi Duy	Ngọc	11/16/2003	K44TC-BHST	6,5	Đạt	
182	319	Trần Tiến	Quyền	5/13/2005	K44TC-CK	8,0	Đạt	
183	322	Hoàng Văn	Tuệ	26/04/2005	K44TC-CK	6,0	Đạt	
184	325	Ngô Đức	Thắng	10/2/2005	K44TC-CK	6,5	Đạt	
185	376	Vũ Đình	Chường	31/3/2005	K44TC-CK	6,0	Đạt	
186	314	Hoàng Quốc	Khánh	9/2/2005	K44TC-CK	6,5	Đạt	
187	318	Nguyễn Trường	Chinh	10/29/2005	K44TC-CK	6,0	Đạt	
188	109	Nguyễn Đức	Hải	10/01/2005	K44TC-ĐCN	7,0	Đạt	
189	321	Trần Văn	Cường	10/26/2005	K44TC-ĐCN	6,5	Đạt	
190	20	Hoàng Văn	Khải	19/05/2005	K44TC-ĐCN	6,0	Đạt	
191	21	Hà Minh	Quang	10/07/2005	K44TC-ĐCN	7,0	Đạt	
192	22	Hoàng Tiên	Đan	05/12/2005	K44TC-ĐCN	5,0	Đạt	
193	24	Bùi Thị Quỳnh	Lanh	13/12/2005	K44TC-ĐCN	5,0	Đạt	
194	25	Hoàng Thị Hồng	Ngọc	15/08/2005	K44TC-ĐCN	7,0	Đạt	
195	26	Bùi Kỳ	Anh	13/11/2005	K44TC-ĐCN	6,0	Đạt	
196	28	Lý Văn	Huân	02/03/2002	K44TC-ĐCN	7,0	Đạt	
197	29	Đỗ Lý	Giang	23/01/2005	K44TC-ĐCN	6,0	Đạt	
198	30	Nguyễn Quang	Huy	12/4/2005	K44TC-ĐCN	7,0	Đạt	
199	31	Lý Quang	Hùng	16/07/2005	K44TC-ĐCN	7,0	Đạt	
200	32	Hoàng Văn	Dương	25/01/2004	K44TC-ĐCN	7,0	Đạt	
201	33	Dương Tuyết	Quyên	08/07/2005	K44TC-ĐCN	7,0	Đạt	
202	34	Lê Duy	Anh	23/08/2005	K44TC-ĐCN	7,0	Đạt	
203	35	Diệp Thị	Mai	07/06/2005	K44TC-ĐCN	9,0	Đạt	
204	36	Bàng Thị	Nga	28/10/2005	K44TC-ĐCN	6,0	Đạt	
205	37	Nguyễn Thị	Huyền	28/11/2005	K44TC-ĐCN	5,5	Đạt	
206	81	Triệu Thị	Trang	26/03/2005	K44TC-ĐCN	6,5	Đạt	
207	82	Triệu Văn	Chiến	06/01/2005	K44TC-ĐCN	5,0	Đạt	
208	83	Lý Văn	Diệp	18/08/2005	K44TC-ĐCN	5,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Lớp	Điểm	Kết luận	Ghi chú
209	106	Lê Huy	Minh	18/10/2005	K44TC-ĐCN	7,0	Đạt	
210	202	Lê Nam	Khánh	28/11/2005	K44TC-ĐCN	6,0	Đạt	
211	227	Bùi Quang	Vinh	31/05/2005	K44TC-ĐCN	7,0	Đạt	
212	176	Nguyễn Thế	Phương	13/11/2005	K44TC-ĐCN	8,0	Đạt	
213	51	Chu Văn	Đình	16/08/2005	K44TC-ĐĐT	8,0	Đạt	
214	174	Nguyễn Trọng	Cương	24/04/2005	K44TC-ĐĐT	5,0	Đạt	
215	175	Hà Ngọc	Minh	17/09/2005	K44TC-ĐĐT	5,0	Đạt	
216	327	Lương Văn	Trung	7/13/2003	K44TC-ĐĐT	6,0	Đạt	
217	42	Vũ Gia	Khiêm	16/11/2005	K44TC-ĐĐT	7,0	Đạt	
218	49	Phùng Thị	Yến	28/07/2005	K44TC-ĐĐT	5,0	Đạt	
219	50	Triệu Đức	Tài	20/01/1997	K44TC-ĐĐT	7,0	Đạt	
220	52	Đinh Huy	Hoàng	11/09/2002	K44TC-ĐĐT	6,0	Đạt	
221	94	Hoàng Thanh	Thường	27/03/2002	K44TC-ĐĐT	5,5	Đạt	
222	95	Lê Thanh	Tùng	06/07/2005	K44TC-ĐĐT	6,5	Đạt	
223	97	Lê Nam	Cường	13/08/2005	K44TC-ĐĐT	5,0	Đạt	
224	98	Khuất Như	Quỳnh	10/04/2005	K44TC-ĐĐT	7,0	Đạt	
225	99	Đỗ Văn	Vũ	18/10/2005	K44TC-ĐĐT	5,0	Đạt	
226	100	Cao Văn	Luân	10/12/2005	K44TC-ĐĐT	5,0	Đạt	
227	102	Bàn Văn	Dũng	25/03/2005	K44TC-ĐĐT	5,0	Đạt	
228	103	Trần Văn	Vũ	4/18/2005	K44TC-ĐĐT	5,5	Đạt	
229	104	Dương Văn	Mạnh	12/7/2005	K44TC-ĐĐT	5,0	Đạt	
230	115	Hoàng Trọng	Nghĩa	04/03/2004	K44TC-ĐĐT	7,0	Đạt	
231	400	Lê Quang	Huy	11/11/2005	K44TC-ĐĐT	6,5	Đạt	
232	401	Trần Quang	Huy	5/12/2005	K44TC-ĐĐT	5,5	Đạt	
233	140	Nông Hoàng	Nghiệp	18/12/2005	K44TC-ĐĐT	6,0	Đạt	
234	141	Đoàn Thị Ngọc	Hà	21/06/2005	K44TC-ĐĐT	7,0	Đạt	
235	142	Nguyễn Văn	Quân	02/12/2005	K44TC-ĐĐT	6,0	Đạt	
236	143	Hà Minh	Son	17/10/2005	K44TC-ĐĐT	7,0	Đạt	
237	144	Nông Hoàng	Ninh	26/08/2005	K44TC-ĐĐT	6,5	Đạt	
238	145	Hoàng Thị	Liều	22/08/2005	K44TC-ĐĐT	7,5	Đạt	
239	146	Nguyễn Văn	Hoảng	04/08/2005	K44TC-ĐĐT	6,0	Đạt	
240	147	Tạ Trung Linh	Son	07/03/2005	K44TC-ĐĐT	8,0	Đạt	
241	149	Nguyễn Hải	Đăng	06/09/2005	K44TC-ĐĐT	6,5	Đạt	
242	150	Dương Doãn	Chính	18/11/2005	K44TC-ĐĐT	6,5	Đạt	
243	151	Vũ Ngọc	Huy	23/11/2005	K44TC-ĐĐT	6,0	Đạt	
244	162	Đào Văn	Vũ	9/23/2005	K44TC-ĐĐT	6,0	Đạt	
245	171	Phạm Quốc	Việt	09/06/2005	K44TC-ĐĐT	6,0	Đạt	
246	173	Nguyễn Ngọc	Đại	28/09/2005	K44TC-ĐĐT	6,0	Đạt	
247	359	Bùi Bảo	Kiệt	21/07/2005	K44TC-Ô tô	5,5	Đạt	
248	360	Hoàng Văn	Nam	03/06/2005	K44TC-Ô tô	6,5	Đạt	
249	363	Đặng Trường	Giang	08/09/2005	K44TC-Ô tô	6,0	Đạt	
250	364	Nguyễn Tuấn	Hoàng	18/10/2005	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
251	365	Phạm Anh	Thư	21/06/2005	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Điểm	Kết luận	Ghi chú
252	366	Linh Quang Sa	03/02/2005	K44TC-Ô tô	6,0	Đạt	
253	367	Dương Tiến Hưng	10/10/2005	K44TC-Ô tô	7,5	Đạt	
254	368	Lý Bảo Đoan	12/7/2005	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
255	369	Nông Văn Hoàn	27/08/2005	K44TC-Ô tô	6,5	Đạt	
256	254	Trịnh Quang Toàn	19/03/2005	K44TC-Ô tô	8,0	Đạt	
257	255	Nguyễn Quốc Duy	16/02/2005	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
258	256	Lê Công Lý	14/07/2005	K44TC-Ô tô	6,0	Đạt	
259	257	Hoàng Văn Sâm	26/06/2005	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
260	258	Vũ Thành Ngọc	08/02/2005	K44TC-Ô tô	6,0	Đạt	
261	260	Trần Minh Hiếu	19/01/2005	K44TC-Ô tô	5,0	Đạt	
262	261	Chu Thanh Tùng	18/11/2002	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
263	262	Hà Huy Thanh	01/12/2005	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
264	264	Nguyễn Văn Hoan	27/07/2005	K44TC-Ô tô	9,0	Đạt	
265	265	Nguyễn Đức Hoài Nam	11/11/2005	K44TC-Ô tô	5,0	Đạt	
266	266	Lương Văn Đại	13/10/2005	K44TC-Ô tô	6,0	Đạt	
267	267	Dương Tiến Hoàn	13/09/2004	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
268	268	Phạm Tiến Anh	23/08/2005	K44TC-Ô tô	5,0	Đạt	
269	269	Mạc Văn Hiếu	17/05/2005	K44TC-Ô tô	6,0	Đạt	
270	270	Trần Đức Lương	25/03/2004	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
271	274	Lưu Xuân Trường	09/07/2005	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
272	276	Hoàng Anh Tuyên	27/02/2004	K44TC-Ô tô	6,0	Đạt	
273	296	Tạc Quang Thắng	17/12/2005	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
274	297	Trần Thái Dương	17/04/2005	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
275	298	Lê Đức Thắng	31/08/2005	K44TC-Ô tô	6,5	Đạt	
276	299	Nguyễn Thế Phong	08/06/2005	K44TC-Ô tô	7,5	Đạt	
277	300	Nguyễn Quốc Khánh	14/05/2004	K44TC-Ô tô	9,0	Đạt	
278	301	Trương Văn Cao	28/4/2005	K44TC-Ô tô	7,5	Đạt	
279	302	Voong Văn Kiên	05/09/2004	K44TC-Ô tô	5,5	Đạt	
280	303	Hồ Nam Anh	20/05/2005	K44TC-Ô tô	6,0	Đạt	
281	304	Nguyễn Minh Đức	19/12/2005	K44TC-Ô tô	6,5	Đạt	
282	305	Đinh Quang Thiên	17/09/2005	K44TC-Ô tô	6,0	Đạt	
283	307	Nguyễn Sỹ Giang	17/05/2005	K44TC-Ô tô	7,5	Đạt	
284	308	Nguyễn Quốc Gia Bảo	12/11/2005	K44TC-Ô tô	6,0	Đạt	
285	309	Trần Văn Quân	07/12/2005	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
286	310	Dương Đức Toàn	10/09/2005	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
287	317	Lê Thái Sơn	5/16/2005	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
288	326	Nguyễn Đức Mạnh	5/27/2005	K44TC-Ô tô	5,0	Đạt	
289	396	Lường Mạnh Quang	16/01/2005	K44TC-Ô tô	8,5	Đạt	
290	38	Nguyễn Văn Hoàn Đạt	09/09/2005	K44TC-Ô tô	6,0	Đạt	
291	39	Làng Văn Nam	08/03/2002	K44TC-Ô tô	8,0	Đạt	
292	105	Ngô Quang Huy	26/08/2004	K44TC-Ô tô	6,0	Đạt	
293	160	Chu Minh Hiếu	20/12/2005	K44TC-Ô tô	7,0	Đạt	
294	403	Nguyễn Minh Tuấn	7/5/2005	K44TC-Ô tô	6,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Điểm	Kết luận	Ghi chú
295	251	Doạn Thị Minh Huyền	20/02/2005	K44TC-T.Hàn	7,0	Đạt	
296	252	Nguyễn Ngọc Ánh	18/11/2005	K44TC-T.Hàn	6,0	Đạt	
297	253	Lăng Thị Xuân	30/11/2005	K44TC-T.Hàn	6,0	Đạt	
298	218	Nguyễn Minh Ngọc	30/12/2005	K44TC-T.Hàn	5,0	Đạt	
299	272	Trần Thị Nguyên		K44TC-Tin	7,0	Đạt	
300	393	Phan Thị Bảo Yến	11/07/2005	K44TC-Tin	7,0	Đạt	
301	85	Trần Thị Ánh Dương	17/01/2005	K44TC-Tin	5,0	Đạt	
302	86	Đỗ Ngọc Yến Nhi	06/11/2005	K44TC-Tin	5,0	Đạt	
303	87	Đỗ Trần Hưởng	11/07/2005	K44TC-Tin	8,5	Đạt	
304	88	Đặng Khánh Ly	11/06/2005	K44TC-Tin	7,0	Đạt	
305	89	Đặng Thị Nguyệt	29/10/2005	K44TC-Tin	6,5	Đạt	
306	91	Lê Duy Anh	11/11/2005	K44TC-Tin	6,5	Đạt	
307	92	Nguyễn Ngọc Thắng	14/09/2005	K44TC-Tin	6,0	Đạt	
308	93	Lưu Thị Thu Hằng	16/10/2005	K44TC-Tin	9,0	Đạt	
309	111	Lã Vĩnh Tùng	05/11/2005	K44TC-Tin	6,5	Đạt	
310	112	Phạm Việ Anh	29/04/2005	K44TC-Tin	5,0	Đạt	
311	113	Hoàng Phương Duy	27/07/2004	K44TC-Tin	7,0	Đạt	
312	114	Ngô Ngọc Lê	10/07/2005	K44TC-Tin	5,0	Đạt	
313	117	Trần Minh Quân	25/05/2005	K44TC-Tin	5,0	Đạt	
314	27	Ngô Ngọc Vinh	17/07/2004	K44TC-TY	7,0	Đạt	
315	203	Trần Quang Huy	24/08/2005	K44TC-TY	7,0	Đạt	
316	204	Nguyễn Thanh Tâm	26/05/2005	K44TC-TY	7,5	Đạt	
317	206	Lê Quang Huy	02/09/2002	K44TC-TY	6,5	Đạt	
318	207	Trương Thị Hồng Thắm	02/09/2005	K44TC-TY	7,0	Đạt	
319	208	Vũ Thị Thu Trà	13/12/2005	K44TC-TY	5,0	Đạt	
320	209	Đoàn Duy Anh	14/10/2005	K44TC-TY	5,5	Đạt	
321	210	Nguyễn Quang Chính	12/09/2005	K44TC-TY	6,5	Đạt	
322	211	Nguyễn Đình Tuấn	18/07/2005	K44TC-TY	6,5	Đạt	
323	212	Nguyễn Đức Toàn	27/02/2005	K44TC-TY	6,5	Đạt	
324	213	Nguyễn Sao Linh	21/03/2005	K44TC-TY	5,5	Đạt	
325	214	Lê Ngọc Hiệp	23/8/2005	K44TC-TY	7,5	Đạt	
326	216	Nguyễn Hồng Nhung	10/04/2005	K44TC-TY	7,0	Đạt	
327	217	Nguyễn Văn Duy	05/12/2005	K44TC-TY	6,5	Đạt	
328	386	Nguyễn Minh Phương	27/12/2000		5,5	Đạt	

Ấn định danh sách: 328 HSSV; Đạt yêu cầu: 328 HSSV.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI



ThS. Phạm Thị Huyền Trang

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TS. Ngô Xuân Hoàng